

Số: 21/2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1304/TTr-STNMT-ĐGD ngày 09/6/2015, kèm Báo cáo thẩm định số 789/BC-STP ngày 19/5/2015 và số 900/BC-STP ngày 08/6/2015 của Sở Tư pháp; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 1454/CV-HĐ ngày 27/5/2015; ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 188/HĐND ngày 08/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 9, Quy định về Bảng giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (kèm theo Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh), như sau:

“3. Những thửa đất có chiều dài cạnh trên 25 m (đối với đất ở nông thôn), trên 20 m (đối với đất ở đô thị) và trên 50 m (đối với đất phi nông nghiệp nhưng không phải là đất ở nông thôn), trên 40 m (đối với đất phi nông nghiệp nhưng không phải là đất ở đô thị) tính từ ranh giới sử dụng đất hợp pháp thì áp dụng việc tính giá phân lớp theo chiều dài thửa đất để xác định giá bình quân gia quyền của thửa đất và thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Phần diện tích đất lớp 1 tính giá đất bám mặt đường (đã có quy định tại Bảng giá), phần diện tích đất lớp 2 tính bằng 40% mức giá lớp 1, phần diện tích đất còn lại tính bằng 30% mức giá bám đường. Trường hợp giá đất các lớp tiếp theo lớp 1 (thuộc khu vực nông thôn) nếu có mức giá thấp hơn mức giá thấp nhất của xã

thì giá đất lớp đó được tính theo mức giá thấp nhất của xã đó; trường hợp giá đất các lớp tiếp theo lớp 1 (thuộc khu vực thành phố Hà Tĩnh, các thị xã và các thị trấn) nếu có mức giá thấp hơn mức giá đất của thửa đất liền kề tiếp sau thì lấy theo mức giá của thửa đất liền kề đó.

b) Đối với những thửa đất bám nhiều mặt đường thì việc phân lớp được cắt theo các chiều bám đường, nhưng lựa chọn cách phân lớp có mức giá cao nhất. Trường hợp cách phân lớp theo các chiều bám đường cho mức giá thấp hơn phân lớp theo một chiều bám đường thì lựa chọn cách phân lớp theo một chiều bám đường đó. Việc tính hệ số quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng cho phần diện tích đất lớp 1.

c) Khoảng cách tính mỗi lớp (lớp 1, lớp 2) đối với đất ở là 20m (tại khu vực đô thị) và 25m (tại khu vực nông thôn); đối với đất phi nông nghiệp nhưng không phải đất ở là 40m (tại khu vực đô thị) và 50m (tại khu vực nông thôn) theo chiều vuông góc với mặt đường (tính từ ranh giới sử dụng đất hợp pháp). Riêng đối với những thửa đất ở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch thì khoảng cách tính mỗi lớp được tính theo quy hoạch đã được duyệt.”

Điều 2. Bổ sung, phân đoạn một số tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất năm 2015 (kèm theo Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh), như sau:

1. Bổ sung Bảng giá đất năm 2015:

a. Tuyến đường nhựa từ Cảng Vũng Áng đi Khu liên hợp gang thép và Cảng Sơn Dương tại xã Kỳ Lợi, bổ sung vào Mục VII, số thứ tự 14 (xã Kỳ Lợi), Bảng 7: Bảng giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; giá đất thương mại dịch vụ là: 210.000 đồng/m²; giá đất sản xuất kinh doanh là: 175.000 đồng/m²;

b. Tuyến đường nhựa trục dọc Kỳ Phương - Khu đô thị Trung tâm Kỳ Trinh tại các phường Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh, bổ sung vào Điểm 2 xã Kỳ Trinh (nay là phường Kỳ Trinh), Mục II (huyện Kỳ Anh nay là thị xã Kỳ Anh), Bảng 6: Bảng giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh; giá đất thương mại dịch vụ là: 396.000 đồng/m²; giá đất sản xuất kinh doanh là: 330.000 đồng/m².

2. Phân đoạn:

a. Vị trí trong Bảng giá đất: Thuộc Điểm 6, xã Kỳ Phương (nay là phường Kỳ Phương), Mục II, huyện Kỳ Anh (nay là thị xã Kỳ Anh), Bảng 6: Bảng giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh thuộc Mục VII, số thứ tự 18, xã Kỳ Nam, Bảng 7: Bảng giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn.

b. Các mức giá:

- Đoạn 1 (Từ cầu Thầu Dầu đến cầu Khe Lũy): Giá đất ở là: 1.650.000 đồng/m²; giá đất thương, mại dịch vụ là: 990.000 đồng/m²; giá đất sản xuất, kinh doanh là: 825.000 đồng/m².

- Đoạn 2 (Từ cầu Khe Lũy đến hết Khu tái định cư Đông Yên tại thôn Ba Đồng, phường Kỳ Phương): Giá đất ở là: 1.500.000 đồng/m²; giá đất thương mại, dịch vụ là: 900.000 đồng/m²; giá đất sản xuất kinh doanh là: 750.000 đồng/m².

- Đoạn 3 (Từ hết Khu tái định cư Đông Yên tại Ba Đồng, phường Kỳ Phương (phía Bắc đèo Con) đến giáp Khu tái định cư Đông Yên tại thôn Minh Huệ, xã Kỳ Nam (phía Nam đèo Con)): Giá đất ở là: 1.250.000 đồng/m²; giá đất thương mại, dịch vụ là: 750.000 đồng/m²; giá đất sản xuất kinh doanh là: 625.000 đồng/m².

- Đoạn 4 (Từ chân đèo Con (phía Nam) đến hết đất Khách sạn Hoàn Sơn)): Giá đất ở là: 1.650.000 đồng/m²; giá đất thương mại, dịch vụ là: 990.000 đồng/m²; giá đất sản xuất kinh doanh là: 825.000 đồng/m².

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường
 - Bí thư, các PBT Tỉnh ủy
 - Thường trực HĐND tỉnh
 - Website Chính phủ;
 - Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ban KTNS, Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
 - Các Phó VP/UB tỉnh; các tổ CV VP/UB;
 - Trung tâm Công báo - tin học tỉnh;
 - Lưu: VT, NL₂;
- Gửi bản giấy và điện tử.

KOLU

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

